TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HSST
Ngày 19-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường
Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2017/HSST-QĐXX ngày 03 tháng 01 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị H, sinh năm 1981 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 1216/72 Đường B, Phường H, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị L; chồng: Cao Văn T; có ba con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: không; biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 21/LCĐKNCT ngày 26-07-2016; bị bắt ngày 01 tháng 11 năm 2017 trong vụ án khác; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố VT (có mặt).

2. Phan Văn G, sinh năm 1972 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Nam Định; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 646/79B/6 Đường B, phường D, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình Tt (chết) và bà Trần Thị Ơ; vợ: Nguyễn Thị M; có ba con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền sự, tiền án: không; biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/LCĐKNCT ngày 26-07-2016; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Văn D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 780/37/161A đường G, Phường M, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Quang V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 430/6 đường C, Phường M, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xét xử vắng mặt).

3. Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 14A đường S, Phường M, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Hoàng Văn S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 888/9/41/15 Đường B, Phường M, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 165/38G đường L, Phường H, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đối với bị cáo Phan Văn G: Vào khoảng tháng 12-2015, thông qua Phan Văn G, bà Nguyễn Thị X gặp Hoàng Thị H. Bà X đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng nhờ H lo các thủ tục giấy tờ để bà X sửa chữa, xây dựng không phép căn nhà tôn đang ở thành nhà cấp 4 trên diện tích đất khoảng 47m2 tại địa chỉ số 14 đường S, Phường M, thành phố VT. H nhận tiền của bà X rồi đưa cho người thanh niên tên N (làm nghề xây dựng, không xác định được nhân thân) làm theo yêu cầu của bà X. Nhưng khi bà X sửa chữa, xây dựng nhà thì bị chính quyền địa phương cưỡng chế tháo dỡ nên H đã trả lại tiền cho bà X. H chỉ nhờ N lo việc xây nhà cho bà X, H không tiếp xúc với cán bộ chính quyền địa phương. H cũng không biết N có tác động đến chính quyền địa phương hay không nhưng khi nhà bà X bị cưỡng chế tháo dỡ thì H đã trả lại số tiền này cho bà X.

Sau khi nhờ H lo việc xây nhà trái phép không được, bà X tiếp tục hỏi Phan Văn G có cách nào liên hệ với cán bộ có thẩm quyền ở địa phương nhờ họ giúp (hối lộ) để xây dựng nhà không phép và không bị cưỡng chế thì G đồng ý giúp, mục đích là để G được thi công xây dựng nhà cho bà X. G nhận số tiền 10.000.000đ của bà X để đi liên hệ. G gặp Lê Văn D (cán bộ trật tự đô thị Phường M, thành phố VT) đưa cho D 10.000.000đ nhờ D giúp đỡ việc xây dựng không phép. Sau khi đưa tiền cho D, G tiếp tục xây dựng, sữa chữa nhà cho bà X nhưng vẫn bị đội đô thị Phường M, thành phố VT lập biên bản tháo dỡ, yêu cầu dừng thi công. Tuy nhiên, sau Tết nguyên đán năm 2016, G tiếp tục thi công và hoàn thiện nhà cho bà X ở cho đến nay.

Đối với bị cáo Hoàng Thị H: Khoảng cuối tháng 04-2016, anh Hoàng Văn S gặp Hoàng Thị H nhờ việc anh Lê Văn H muốn xây dựng nhà kho chứa đồ tại khu đất có diện tích khoảng 180m2 tại địa chỉ số 165B đường L, Phường H, thành phố VT. Mặc dù biết rõ khu đất này không được phép xây dựng nhưng H vẫn đồng ý đứng ra nhận lo lót cho cán bộ địa phương để công trình xây dựng không bị cưỡng chế, tháo dỡ.

Sau đó, anh S và anh Nguyễn Ngọc T (thầu xây dựng) đưa cho H số tiền 30.000.000đ cùng một số giấy tờ đất liên quan để H liên hệ lo phần xây dựng. H

gặp Nguyễn Quang V (cán bộ thanh tra phòng Tài nguyên môi trường) đưa cho V số tiền 30.000.000đ để xây dựng không phép nhà kho tại địa chỉ nêu trên. Sau khi đưa tiền cho V, H nói với anh S và anh T tiến hành xây dựng. Khi anh S, T đang xây nhà kho tại hẻm 165B đường L, Phường H, thành phố VT thì cán bộ đô thị Phường H, thành phố VT lập biên bản tháo dỡ, yêu cầu dừng thi công. Ngày 19-07-2016, anh Hoàng Văn S đã làm đơn tố cáo hành vi của Hoàng Thị H đến Cơ quan điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Thị H và Phan Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Anh Hoàng Văn S, Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị X thực hiện hành vi đưa hối lộ nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, giúp cơ quan chức năng phát hiện, điều tra tội phạm nên Cơ quan điều tra miễn trách nhiệm hình sự cho anh Hoàng Văn S, anh Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị X theo quy định tại Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và căn cứ nội dung các biên bản đối chất, Lê Văn D xác định không nhận tiền của Phan Văn G, Nguyễn Quang V xác định không nhận tiền của Hoàng Thị H, để bảo đảm cho việc xây nhà không bị tháo dỡ; nên không có chứng cứ chứng minh việc Phan Văn G giao tiền cho Lê Văn D và Hoàng Thị H giao tiền cho Nguyễn Quang V để thực hiện nội dung đã thỏa thuận. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn D và Nguyễn Quang V.

Hoàng Thị H nhận 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị X nhưng đã trả lại tiền cho bà X. Do Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân của N để điều tra và đối chất làm rõ nên chưa đủ căn cứ xác định H nhận tiền của bà X để môi giới hối lộ. Đối tượng tên N, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 297/CT-VKS ngày 15-12-2016, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT đã truy tố Hoàng Thị H và Phan Văn G về tội " Môi giới hối lộ " theo điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 20-02-2017, Tòa án đã ban hành Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung làm rõ Hoàng Thị H và Phan Văn G có nhận làm môi giới hối lộ cho các đối tượng khác để xây dựng nhà không phép.

Sau khi điều tra bổ sung, Công văn số 116/CV – VKS ngày 15-08-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng số 297/CT-VKS ngày 15-12-2016**.**

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Môi giới hối lộ ". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 365; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo H mức án từ 15 đến 18 tháng tù, bị cáo G từ 09 đến 12 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện

kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo xác định đã thực hiện hành vi làm trung gian giữa người đưa hối lộ (Nguyễn Thị X, Hoàng Văn S, Nguyễn Ngọc T) và người nhận hối lộ nhằm đạt được sự thỏa thuận về của hối lộ và không làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ vật chứng, các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Căn cứ lời khai của các bị cáo và nội dung các biên bản đối chất xác định chưa đủ chứng cứ để chứng minh Lê Văn D và Nguyễn Quang V là người nhận hối lộ, nhưng các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi các bị cáo thực hiện là hành vi làm môi giới trung gian theo yêu cầu của những người đưa hối lộ. Trong đó bị cáo G môi giới hối lộ mà của hối lộ là 10.000.000 đ, bị cáo H môi giới hối lộ mà của hối lộ là 30.000.000 đ. Vì vậy, hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới hối lộ " theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự năm 2015.

So sánh thấy tội "Môi giới hối lộ " theo quy định tại Điều 365 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất nhẹ hơn so với tội " Làm môi giới hối lộ " theo Điều 290 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù đến 10 năm so với hình phạt tù đến 20 năm). Nên áp dụng khoản 3 Điều 7; Điều 365 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ xã hội đảm bảo cho hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Trong quá trình điều tra, bị cáo H đã được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cha bị cáo H được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang; nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người liên quan không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Do không có chứng cứ chứng minh Lê Văn D đã nhận số tiền 10.000.000đ từ Phan Văn G và Nguyễn Quang V nhận số tiền 30.000.000đ từ Hoàng Thị H. Nên buộc Phan Văn G phải nộp số tiền 10.000.000 đ, Hoàng Thị H phải nộp số tiền 30.000.000 đ (tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm) để sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Thị H và Phan Văn G phạm tội "Môi giới hối lộ ".

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 365; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Hoàng Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2017.

3. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 365; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Phan Văn G 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Buộc Phan Văn G phải nộp số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước;

- Buộc Hoàng Thị H phải nộp số tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

5. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo